

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến
không tiếp nhận hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của
Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ
quan nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của
Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số
hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính
trên môi trường điện tử;*

*Thực hiện Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện các mô hình điểm thuộc nhiệm vụ của
Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử
phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số
04/TTr-VPUBND ngày 13 tháng 02 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục 225 (Hai trăm hai
mươi lăm) dịch vụ công trực tuyến không tiếp nhận hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh
Vĩnh Long (*Phụ lục chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan

a) Căn cứ danh mục dịch vụ công trực tuyến không tiếp nhận hồ sơ giấy
tại Điều 1 Quyết định này, triển khai thực hiện hiệu quả, đảm bảo theo đúng quy

định. Định kỳ rà soát, gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, thay thế, bổ sung cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế của tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tái cấu trúc quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đối với các dịch vụ công trực tuyến không tiếp nhận hồ sơ giấy.

c) Tổ chức hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp; vận động, hướng dẫn, hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị đảm bảo điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh, mạng truyền số liệu chuyên dùng, tiêu chuẩn kỹ thuật, chữ ký số và các điều kiện có liên quan thuộc phạm vi quản lý để các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện thuận lợi; đồng thời, chủ trì, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long, Báo Vĩnh Long tổ chức hiệu quả công tác tuyên truyền, truyền thông để vận động người dân, doanh nghiệp cùng tham gia việc nộp hồ sơ trực tuyến thay cho hình thức trực tiếp.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, bảo đảm điều kiện triển khai các dịch vụ công trực tuyến không tiếp nhận hồ sơ giấy trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

b) Cập nhật, công khai thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến không tiếp nhận hồ sơ giấy trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

c) Tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện, đảm bảo việc thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến không tiếp nhận hồ sơ giấy theo đúng quy định của pháp luật.

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai, thực hiện; tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện, đảm bảo việc thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện không nhận hồ sơ giấy theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến thí điểm không tiếp nhận

hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Công an tỉnh (PC06);
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Ban TCD-NC, TTPVHCC, TTTH-CB;
- Lưu: VT, 14.PVHCC.

CHỦ TỊCH

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
KHÔNG TIẾP NHẬN HỒ SƠ GIẤY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG
(Kèm theo Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 14/02/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ
I	Sở Khoa học và Công nghệ (02 DVC)		
1.	1.011818. H61	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Toàn trình
2.	2.002382. 000.00.00. H61	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Toàn trình
II	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (10 DVC)		
3.	1.001822. 000.00.00. H61	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Toàn trình
4.	1.003901. 000.00.00. H61	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Toàn trình
5.	1.004650. 000.00.00. H61	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	Toàn trình
6.	1.004645. 000.00.00. H61	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Toàn trình
7.	1.002022. 000.00.00. H61	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	Toàn trình
8.	1.002013. 000.00.00. H61	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	Toàn trình
9.	1.001782. 000.00.00. H61	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Toàn trình
10.	1.001440.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Toàn trình

	000.00.00. H61		
11.	1.004628. 000.00.00. H61	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Toàn trình
12.	1.004623. 000.00.00. H61	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Toàn trình
III	Sở Xây dựng (03 DVC)		
13.	1.013220. H61	Cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	Toàn trình
14.	1.013221. H61	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	Toàn trình
15.	1.012891. H61	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	Toàn trình
IV	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (08 DVC)		
16.	1.004022. 000.00.00. H61	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Toàn trình
17.	1.009478. 000.00.00. H61	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	Toàn trình
18.	1.008126. 000.00.00. H61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Một phần
19.	1.008127. 000.00.00. H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Toàn trình
20.	1.008128. 000.00.00. H61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Một phần
21.	1.008129. 000.00.00. H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Toàn trình
22.	1.004493. 000.00.00. H61	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	Toàn trình

23.	1.007933. 000.00.00. H61	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	Toàn trình
V	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (02 DVC)		
24.	1.000105. 000.00.00. H61	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	Toàn trình
25.	2.000134. 000.00.00. H61	Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Toàn trình
VI	Sở Công Thương (02 DVC)		
26.	2.000033. 000.00.00. H61	Thông báo hoạt động khuyến mại	Toàn trình
27.	2.001474. 000.00.00. H61	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Toàn trình
VII	Sở Kế hoạch và Đầu tư (51 DVC)		
28.	1.010010. 000.00.00. H61	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Toàn trình
29.	1.010023. 000.00.00. H61	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Toàn trình
30.	2.002033. 000.00.00. H61	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Toàn trình
31.	1.010027. 000.00.00. H61	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Toàn trình
32.	1.010029. 000.00.00. H61	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Toàn trình
33.	1.010030. 000.00.00. H61	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	Toàn trình

34.	1.010031. 000.00.00. H61	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	Toàn trình
35.	1.010026. 000.00.00. H61	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	Toàn trình
36.	2.001610. 000.00.00. H61	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Toàn trình
37.	2.001583. 000.00.00. H61	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Toàn trình
38.	2.001199. 000.00.00. H61	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Toàn trình
39.	2.002043. 000.00.00. H61	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Toàn trình
40.	2.002042. 000.00.00. H61	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Toàn trình
41.	2.002041. 000.00.00. H61	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Toàn trình
42.	1.005169. 000.00.00. H61	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Toàn trình
43.	2.002011. 000.00.00. H61	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	Toàn trình
44.	2.002010. 000.00.00. H61	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Toàn trình
45.	2.002009. 000.00.00. H61	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Toàn trình
46.	2.002008. 000.00.00. H61	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Toàn trình

47.	1.005114. 000.00.00. H61	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Toàn trình
48.	2.002000. 000.00.00. H61	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	Toàn trình
49.	2.001996. 000.00.00. H61	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Toàn trình
50.	2.001993. 000.00.00. H61	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Toàn trình
51.	2.002044. 000.00.00. H61	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	Toàn trình
52.	2.001992. 000.00.00. H61	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	Toàn trình
53.	2.001954. 000.00.00. H61	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	Toàn trình
54.	2.002069. 000.00.00. H61	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Toàn trình
55.	2.002070. 000.00.00. H61	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Toàn trình
56.	2.002031. 000.00.00. H61	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	Toàn trình
57.	2.002075. 000.00.00. H61	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy	Toàn trình

		chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	
58.	2.002072. 000.00.00. H61	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Toàn trình
59.	2.002045. 000.00.00. H61	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Toàn trình
60.	1.005176. 000.00.00. H61	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	Toàn trình
61.	2.002085. 000.00.00. H61	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	Toàn trình
62.	2.002083. 000.00.00. H61	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	Toàn trình
63.	2.002059. 000.00.00. H61	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Toàn trình
64.	2.002060. 000.00.00. H61	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Toàn trình
65.	2.002057. 000.00.00. H61	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	Toàn trình

66.	2.002034. 000.00.00. H61	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	Toàn trình
67.	2.002032. 000.00.00. H61	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Toàn trình
68.	2.002018. 000.00.00. H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	Toàn trình
69.	2.002017. 000.00.00. H61	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Toàn trình
70.	2.002015. 000.00.00. H61	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Toàn trình
71.	2.002029. 000.00.00. H61	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	Toàn trình
72.	2.002023. 000.00.00. H61	Giải thể doanh nghiệp	Toàn trình
73.	2.002022. 000.00.00. H61	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Toàn trình
74.	2.002020. 000.00.00. H61	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Toàn trình
75.	2.002016. 000.00.00. H61	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	Toàn trình
76.	2.000368. 000.00.00. H61	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Toàn trình
77.	2.000416. 000.00.00. H61	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	Toàn trình
78.	2.000375. 000.00.00. H61	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	Toàn trình

VIII Sở Tài chính (07 DVC)			
79.	2.002206. 000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Toàn trình
80.	1.001254. 000.00.00. H61	Thủ tục quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản.	Toàn trình
81.	1.007623. 000.00.00. H61	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương	Toàn trình
82.	3.000291. H61	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	Toàn trình
83.	1.012735. H61	Hiệp thương giá	Toàn trình
84.	1.012744. H61	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Toàn trình
85.	1.012835. H61	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Toàn trình
IX Sở Y tế (50 DVC)			
86.	1.003006. 000.00.00. H61	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Toàn trình
87.	1.003039. 000.00.00. H61	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	Toàn trình
88.	1.003029. 000.00.00. H61	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	Toàn trình
89.	1.004557. 000.00.00. H61	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Toàn trình
90.	1.004532. 000.00.00. H61	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu)	Toàn trình

91.	1.004529. 000.00.00. H61	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Toàn trình
92.	1.003963. 000.00.00. H61	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	Toàn trình
93.	1.004516. 000.00.00. H61	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Toàn trình
94.	1.004459. 000.00.00. H61	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Toàn trình
95.	1.004449. 000.00.00. H61	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Toàn trình
96.	1.004087. 000.00.00. H61	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	Toàn trình
97.	1.009407. 000.00.00. H61	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bảo chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	Toàn trình
98.	1.002464. 000.00.00. H61	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Toàn trình
99.	1.012256. H61	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	Toàn trình
100.	1.012275. H61	Đăng ký hành nghề	Toàn trình
101.	1.012276. H61	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	Toàn trình
102.	1.012281. H61	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	Toàn trình
103.	1.012257. H61	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1	Toàn trình

		Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	
104.	1.012258. H61	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	Toàn trình
105.	1.012260. H61	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Toàn trình
106.	1.004477. 000.00.00. H61	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự	Toàn trình
107.	1.004471. 000.00.00. H61	Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất	Toàn trình
108.	1.004461. 000.00.00. H61	Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ	Toàn trình
109.	2.000655. 000.00.00. H61	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Toàn trình
110.	1.003580. 000.00.00. H61	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	Toàn trình
111.	1.000844. 000.00.00. H61	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS	Toàn trình
112.	1.003958. 000.00.00. H61	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Toàn trình
113.	1.004488. 000.00.00. H61	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	Toàn trình
114.	1.002944. 000.00.00. H61	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Toàn trình
115.	1.002467. 000.00.00. H61	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Toàn trình

116.	1.004539. 000.00.00. H61	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	Toàn trình
117.	1.001523. 000.00.00. H61	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Toàn trình
118.	1.001514. 000.00.00. H61	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Toàn trình
119.	1.003348. 000.00.00. H61	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Toàn trình
120.	1.003332. 000.00.00. H61	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Toàn trình
121.	1.003108. 000.00.00. H61	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Toàn trình
122.	1.009249 .H61	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	Toàn trình
123.	1.004070. H61	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Toàn trình
124.	1.004062. H61	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Toàn trình
125.	1.002944. 000.00.00. H61	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Toàn trình
126.	1.002467. 000.00.00. H61	Công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Toàn trình
127.	1.002564. H61	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Toàn trình
128.	1.001189. H61	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp	Toàn trình

		bị mất hoặc hư hỏng	
129.	1.001178. H61	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Toàn trình
130.	1.001114. H61	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Toàn trình
131.	1.001396. H61	Cung cấp thuốc phóng xạ	Toàn trình
132.	1.012292. H61	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng (<i>Đối với Trường hợp 1: Bổ sung thêm phạm vi hành nghề của chuyên khoa quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 135 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP</i>)	Một phần
133.	1.004571. 000.00.00. H61	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Toàn trình
134.	1.013036. H61	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiệm các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Toàn trình
135.	1.013037. H61	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiệm các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Toàn trình
X	Sở Tài nguyên và Môi trường (05 DVC)		
136.	1.010728. 000.00.00. H61	Cấp đổi giấy phép môi trường	Toàn trình
137.	1.010729. 000.00.00. H61	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Toàn trình
138.	1.012789. H61	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai	Toàn trình

139.	1.004253. 000.00.00. H61	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Toàn trình
140.	1.012501. H61	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Toàn trình
XI	Sở Giáo dục và Đào tạo (03 DVC)		
141.	1.005092. 000.00.00. H61	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Toàn trình
142.	2.001914. 000.00.00. H61	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Toàn trình
143.	1.006388. 000.00.00. H61	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục (bao gồm cả trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông)	Một phần
XII	Sở Nội vụ (40 DVC)		
144.	1.012672. H61	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Toàn trình
145.	1.012664. H61	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Toàn trình
146.	1.012661. H61	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Toàn trình
147.	1.012659. H61	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích	Toàn trình
148.	1.012658. H61	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	Toàn trình
149.	1.012657. H61	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	Toàn trình
150.	1.012656. H61	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh	Toàn trình
151.	1.012653. H61	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác	Toàn trình
152.	1.012651. H61	Thủ tục thông báo thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	Toàn trình

153.	1.012648. H61	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	Toàn trình
154.	1.012646. H61	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	Toàn trình
155.	1.012645. H61	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Toàn trình
156.	1.012644. H61	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Toàn trình
157.	1.012642. H61	Thủ tục thông báo về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (thuộc thẩm quyền tiếp nhận của 02 cơ quan) (cấp tỉnh)	Toàn trình
158.	1.012641. H61	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Toàn trình
159.	1.012639. H61	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	Toàn trình
160.	1.012637. H61	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	Toàn trình
161.	1.012635. H61	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	Toàn trình
162.	1.012634. H61	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp để thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đối với trường hợp quyên góp không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 25 của Nghị định số 95/2023/NĐ-CP	Toàn trình
163.	1.012632. H61	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Toàn trình
164.	1.012631. H61	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Toàn trình
165.	1.012630. H61	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Toàn trình

		giáo	
166.	1.012629. H61	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Toàn trình
167.	1.012628. H61	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Toàn trình
168.	1.012626. H61	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Toàn trình
169.	1.012625. H61	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Toàn trình
170.	1.012626. H61	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Toàn trình
171.	1.012622. H61	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Toàn trình
172.	1.012621. H61	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Toàn trình
173.	1.012620. H61	Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành	Toàn trình
174.	1.012619. H61	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Toàn trình
175.	1.012617. H61	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Toàn trình

176.	1.012616. H61	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	Toàn trình
177.	1.012615. H61	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	Toàn trình
178.	1.012613. H61	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	Toàn trình
179.	1.012608. H61	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	Toàn trình
180.	1.012607. H61	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	Toàn trình
181.	1.012606. H61	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	Toàn trình
182.	1.012605. H61	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	Toàn trình
183.	1.012604. H61	Thủ tục thông báo về việc tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; tổ chức các nghi lễ tôn giáo hoặc cuộc lễ tôn giáo; xuất bản, nhập khẩu kinh sách, văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Toàn trình
XIII	Sở Thông tin và Truyền thông (37 DVC)		
184.	2.001684. 000.00.00. H61	Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Toàn trình
185.	2.001681. 000.00.00. H61	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi	Toàn trình

		thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên	
186.	1.000073. 000.00.00. H61	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt	Toàn trình
187.	2.001666. 000.00.00. H61	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thể loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Toàn trình
188.	1.000067. 000.00.00. H61	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên	Toàn trình
189.	2.001098. 000.00.00. H61	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Toàn trình
190.	1.005452. 000.00.00. H61	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Toàn trình
191.	2.001087. 000.00.00. H61	Cấp lại Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Toàn trình
192.	2.001091. 000.00.00. H61	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Toàn trình
193.	2.001766. 000.00.00. H61	Thông báo thay đổi chủ sở hữu, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Toàn trình
194.	1.003384. 000.00.00. H61	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Toàn trình
195.	2.001765. 000.00.00. H61	Cấp giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Toàn trình

196.	2.001171. 000.00.00. H61	Cho phép hợp báo (trong nước)	Toàn trình
197.	2.001173. 000.00.00. H61	Cho phép hợp báo (nước ngoài)	Toàn trình
198.	1.003888. 000.00.00. H61	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài	Toàn trình
199.	1.009374. 000.00.00. H61	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Toàn trình
200.	1.009386. 000.00.00. H61	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Toàn trình
201.	1.010902. 000.00.00. H61	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính cấp Tỉnh	Toàn trình
202.	1.003659. 000.00.00. H61	Cấp giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	Toàn trình
203.	1.003687. 000.00.00. H61	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	Toàn trình
204.	1.003633. 000.00.00. H61	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (cấp tỉnh)	Toàn trình
205.	1.004379. 000.00.00. H61	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	Toàn trình
206.	1.004470. 000.00.00. H61	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)	Toàn trình
207.	1.005442. 000.00.00. H61	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	Toàn trình
208.	1.004153. 000.00.00. H61	Cấp giấy phép hoạt động in	Toàn trình
209.	2.001744. 000.00.00. H61	Cấp lại giấy phép hoạt động in	Toàn trình

210.	2.001740. 000.00.00. H61	Đăng ký hoạt động cơ sở in	Toàn trình
211.	2.001737. 000.00.00. H61	Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	Toàn trình
212.	2.001594. 000.00.00. H61	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Toàn trình
213.	2.001584. 000.00.00. H61	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Toàn trình
214.	1.003729. 000.00.00. H61	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Toàn trình
215.	2.001564. 000.00.00. H61	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	Toàn trình
216.	1.003483. 000.00.00. H61	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	Toàn trình
217.	1.003114. 000.00.00. H61	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Toàn trình
218.	1.008201. 000.00.00. H61	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Toàn trình
219.	1.003868. 000.00.00. H61	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Toàn trình
220.	1.003725. 000.00.00. H61	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	Toàn trình
XIV	Văn phòng UBND tỉnh (05 DVC)		
221.	2.002311. 000.00.00. H61	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Toàn trình
222.	2.002312. 000.00.00. H61	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Toàn trình

223.	2.002313. 000.00.00. H61	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Toàn trình
224.	2.002314. 000.00.00. H61	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Toàn trình
225.	3.000242. H61	Cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương	Toàn trình